

Số: 70 /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 12 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy định quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1215/TTr-STTTT ngày 28/11/2011.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đoàn thể có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Viễn thông Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu VT, TH (các khối).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái

**QUY ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70 /2011/QĐ-UBND  
ngày 14 / 12 /2011 của UBND tỉnh)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; nguyên tắc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng cũng như trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị, cơ quan quản lý trực tiếp khi tham gia khai thác Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (IP/MPLS) sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xây dựng, vận hành.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Mạng TSLCD) là nhánh mạng của mạng đường truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ, kết nối đến hệ thống mạng nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đơn vị sử dụng Mạng TSLCD là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị tại tỉnh Đồng Nai có điểm kết nối vào Mạng TSLCD.

Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên Mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng.

**Điều 3. Mục đích sử dụng Mạng TSLCD**

Mạng TSLCD được sử dụng làm cơ sở hạ tầng kỹ thuật triển khai các ứng dụng tin học, trao đổi, chia sẻ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin dùng riêng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD**

1. Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD phải bảo đảm tăng cường năng lực quản lý và khai thác tài nguyên mạng máy tính của cơ quan Đảng, Nhà nước và các

đoàn thể, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và đảm bảo hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các đơn vị sử dụng mạng.

2. Mạng TSLCD được quản lý, điều hành tập trung, thống nhất; bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Chi phí sử dụng Mạng TSLCD sẽ được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sử dụng mạng căn cứ theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng đơn vị trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

4. Mạng TSLCD phải hoạt động liên tục, thông suốt (24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần) đảm bảo thông tin liên lạc.

5. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

6. Việc khai thác, sử dụng tuân thủ theo các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin được Nhà nước quy định.

7. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn Mạng TSLCD và an ninh thông tin truyền tải trên mạng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm**

1. Kết nối vật lý hoặc thực hiện truy cập không được phép vào Mạng TSLCD.

2. Lợi dụng cơ sở hạ tầng Mạng TSLCD vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công; để cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; cố tình gây mất đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

3. Thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị công nghệ thông tin không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng TSLCD.

4. Không tổ chức quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng Mạng TSLCD.

5. Tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống Mạng TSLCD cho các tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.

6. Tự ý xóa bỏ, tháo gỡ hoặc can thiệp vào Mạng TSLCD đã được cài đặt trên các thiết bị mạng đã triển khai.

### **Chương II**

#### **QUẢN LÝ KHAI THÁC, VẬN HÀNH**

##### **Điều 6. Danh mục dịch vụ cung cấp trên Mạng TSLCD**

1. Các dịch vụ truyền số liệu và thuê kênh riêng sử dụng công nghệ kết nối mạng riêng ảo (VPN) gồm:

a) Dịch vụ Intranet IP/MPLS VPN;

b) Dịch vụ Extranet IP/MPLS VPN;

c) Dịch vụ Internet IP/MPLS VPN;

d) Dịch vụ IP VPN truy nhập từ xa;

đ) Dịch vụ VPN liên kết giữa các nhà cung cấp.

2. Dịch vụ hội nghị truyền hình.

3. Các dịch vụ giá trị gia tăng gồm:

a) Dịch vụ truy nhập Internet;

b) Dịch vụ trung tâm dữ liệu;

c) Dịch vụ cho thuê chỗ trên máy chủ mạng;

d) Dịch vụ máy chủ mạng;

đ) Dịch vụ máy chủ thư điện tử;

e) Dịch vụ thoại VoIP.

4. Các dịch vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị khi tham gia khai thác Mạng TSLCD**

1. Có hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD và chịu trách nhiệm thanh toán cước phí sử dụng theo nhu cầu sử dụng.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin truyền đưa và cung cấp trên Mạng TSLCD.

3. Quản lý, khai thác và bảo vệ các thiết bị chuyển mạch, thiết bị kết nối và các thiết bị của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình đã được bàn giao.

4. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến an toàn mạng khi kết nối Mạng TSLCD:

a) Xây dựng hệ thống bức tường lửa (firewall) bảo vệ hệ thống mạng nội bộ nhằm ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài. Hệ thống bức tường lửa bao gồm: Thiết bị phần cứng hoặc bằng các phần mềm chuyên dụng;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan được thiết lập (nếu có);

c) Quản lý các tên miền của đơn vị (nếu có);

d) Sở hữu và quản lý các chính sách kết nối Internet của riêng cơ quan;

đ) Quản trị và cài đặt địa chỉ IP theo phân hoạch chung đã được cấp cho hệ thống mạng nội bộ của mình.

5. Tuân thủ các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin: Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quy định về gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng hộp thư điện tử trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 70/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định

khác do Nhà nước ban hành. Tuân thủ các quy định về sử dụng Mạng TSLCD do Nhà nước quy định.

6. Xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng Mạng TSLCD.

7. Cử cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin hoặc bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin để quản trị, khai thác sử dụng.

8. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến Mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng TSLCD.

9. Khi có nhu cầu kết nối mới, điều chỉnh, mở rộng, hủy bỏ kết nối hoặc triển khai các dịch vụ theo yêu cầu, đơn vị phải có văn bản đề nghị hoặc thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, hỗ trợ.

10. Khi bị sự cố xảy ra hoặc cần sửa chữa hoặc thay thế các linh kiện của thiết bị liên quan đến kết nối Mạng TSLCD, đơn vị phải thông báo trực tiếp cho Viễn thông Đồng Nai để phối hợp xử lý kịp thời.

11. Không đồng thời kết nối, sử dụng dịch vụ Internet công cộng của các nhà cung cấp dịch vụ Internet khác vào Mạng TSLCD.

12. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng Mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

### **Điều 8. Trách nhiệm của cá nhân khi tham gia khai thác Mạng TSLCD**

1. Được toàn quyền khai thác các tài nguyên trên mạng để phục vụ cho công tác tại cơ quan, nhưng phải đảm bảo về chế độ bảo mật, an toàn, an ninh, đồng thời chịu trách nhiệm đối với các thông tin truyền đưa và cung cấp trên mạng.

2. Tuân thủ các quy định cụ thể về truy nhập, khai thác sử dụng mạng. Không được tiết lộ mật khẩu truy cập các ứng dụng trên Mạng TSLCD cho cá nhân, đơn vị không có thẩm quyền.

3. Tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách có liên quan của Nhà nước về Viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

5. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để kịp thời giải quyết.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Đầu mối quản lý toàn bộ các kết nối Mạng TSLCD; quản lý cấu hình các phần mềm hệ thống trên các thiết bị mạng; quản lý toàn bộ hồ sơ hệ thống Mạng TSLCD; quản lý, phân hoạch các vùng địa chỉ mạng, các vùng mạng cục bộ ảo.

2. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị nhằm giúp việc khai thác, sử dụng hiệu quả Mạng TSLCD.

3. Nghiên cứu, đề xuất nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển Mạng TSLCD.

4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định nhà nước về sử dụng Mạng TSLCD cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của Mạng TSLCD.

6. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

7. Báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình sử dụng Mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Viễn thông Đồng Nai**

1. Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan:

a) Điều hành kết nối mạng đường trục với mạng truy cập các cấp từ cấp tỉnh tới cấp xã.

b) Quản lý, duy trì, vận hành, khai thác, khắc phục sự cố, bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống Mạng TSLCD đảm bảo kết nối thông suốt, liên tục trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Đảm bảo các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ mạng và an toàn, an ninh thông tin với đơn vị đăng ký sử dụng.

d) Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối trên Mạng TSLCD khi có sự đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản.

đ) Tổ chức, hướng dẫn khai thác sử dụng cho đơn vị sau khi triển khai lắp đặt mới vào Mạng TSLCD.

2. Công bố các quy định về chi phí khai thác sử dụng, quản lý, điều hành khai thác, khắc phục sự cố, bảo trì, bảo dưỡng đường truyền kết nối.

3. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hộp thư điện tử, địa chỉ, số điện thoại nóng để hỗ trợ kỹ thuật và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

4. Trường hợp xảy ra sự cố đối với mạng đường trục hoặc các sự cố cần tổ chức ứng cứu thông tin, phải báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để nhận chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời.

5. Định kỳ báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (03 tháng/lần) và đột xuất bằng văn bản về tình hình hoạt động của Mạng TSLCD.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Hướng dẫn thi hành**

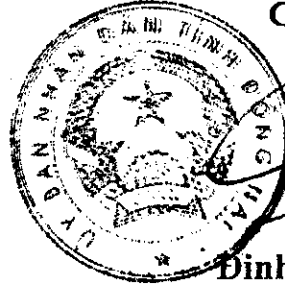
Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đoàn thể chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

**Điều 12. Xử lý vi phạm**

Cá nhân, đơn vị nào có hành vi vi phạm theo Quy định này sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

**Điều 13.** Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh với Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Đình Quốc Thái**